

Số: 5183 /KH-SYT

Hung Yên, ngày 06 tháng 8 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai hành động 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số ngành Y tế tỉnh Hưng Yên

Thực hiện Kế hoạch số 303/KH-UBND ngày 29/7/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc hành động 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên, Sở Y tế Hưng Yên ban hành Kế hoạch thực hiện 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số ngành Y tế tỉnh Hưng Yên, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

1. Mục đích

a) Tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho ngành Y tế tại Kế hoạch hành động 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số; cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc, bảo đảm triển khai đồng bộ, thống nhất trong toàn ngành.

b) Tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn về chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế, trọng tâm là hoàn thiện hạ tầng số, bảo đảm an toàn thông tin; xây dựng, chuẩn hóa, làm sạch và khai thác hiệu quả dữ liệu y tế; đẩy mạnh triển khai bệnh án điện tử, hồ sơ sức khỏe điện tử, Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên VNeID; tăng cường kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của ngành Y tế với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của tỉnh và các hệ thống thông tin của Bộ Y tế theo quy định.

c) Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành Y tế về chuyển đổi số, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu và sản phẩm được giao trong Kế hoạch hành động 100 ngày của tỉnh trước ngày **30/11/2026**, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, chất lượng khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và cung cấp dịch vụ y tế cho người dân.

d) Nâng cao trách nhiệm của lãnh đạo sở, người đứng đầu các phòng thuộc Sở, các đơn vị trực thuộc và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số; phát huy vai trò của chuyển đổi số trong đổi mới phương thức quản lý, điều hành, cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

đ) Tạo cơ sở để theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ, chất lượng và hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số của từng đơn vị; gắn kết quả thực hiện Kế hoạch với công tác đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ, thi đua, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân và người đứng đầu các cơ quan, đơn vị năm 2026.

2. Yêu cầu

a) Việc triển khai Kế hoạch phải được thực hiện quyết liệt, đồng bộ, bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ sản phẩm và rõ kết quả; người đứng đầu các phòng thuộc Sở, đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm toàn diện trước Giám đốc Sở về tiến độ, chất lượng và kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao.

b) Các nhiệm vụ phải được triển khai theo đúng lộ trình, bám sát yêu cầu, mục tiêu và thời hạn của Kế hoạch hành động 100 ngày của UBND tỉnh; ưu tiên giải quyết các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách về dữ liệu, hạ tầng số, bệnh án điện tử, hồ sơ sức khỏe điện tử, Sổ sức khỏe điện tử, an toàn thông tin và kết nối, chia sẻ dữ liệu.

c) Tăng cường phối hợp giữa các phòng thuộc Sở, các đơn vị trực thuộc, các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh với các sở, ngành, địa phương, Bảo hiểm xã hội, Công an tỉnh và các cơ quan liên quan trong quá trình triển khai; bảo đảm thống nhất về dữ liệu, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ và an toàn thông tin.

d) Bảo đảm các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của ngành Y tế được xây dựng, quản lý và khai thác theo nguyên tắc dữ liệu "**đúng, đủ, sạch, sống**", phục vụ hiệu quả công tác quản lý, điều hành, kết nối, chia sẻ dữ liệu và triển khai Đề án 06 của Chính phủ; đồng thời tuân thủ các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin mạng và an ninh mạng.

đ) Quá trình triển khai phải gắn với việc tăng cường kiểm tra, giám sát, thường xuyên rà soát, kịp thời phát hiện và tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc; định kỳ báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện theo quy định, bảo đảm các sản phẩm hoàn thành có chất lượng, được đưa vào khai thác, sử dụng thực tế, tránh hình thức, lãng phí nguồn lực và đầu tư trùng lặp.

II. CHỈ TIÊU THỰC HIỆN

1. Hạ tầng số

1.1. Hoàn thiện hạ tầng mạng nội bộ (LAN)

- 100% các phòng thuộc Sở, đơn vị sự nghiệp trực thuộc và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập rà soát, nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng mạng LAN bảo đảm đáp ứng yêu cầu vận hành các hệ thống thông tin dùng chung, các phần mềm chuyên ngành và bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ. Bảo đảm hệ thống mạng hoạt động ổn định, thông suốt, có phương án dự phòng và đáp ứng yêu cầu triển khai bệnh án điện tử, hồ sơ sức khỏe điện tử, Sổ sức khỏe điện tử và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

- Rà soát, nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin: 100% đơn vị trực thuộc thực hiện rà soát hiện trạng hạ tầng công nghệ thông tin, máy chủ, máy tính, thiết bị mạng, thiết bị bảo mật, thiết bị lưu trữ, máy quét, chữ ký số và các thiết bị đầu cuối. Xây dựng phương án đầu tư, mua sắm, nâng cấp hoặc thay thế đối với các thiết bị không còn đáp ứng yêu cầu vận hành hệ thống thông tin và chuyển đổi số.

- Bảo đảm 100% cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, giải quyết thủ tục hành chính và vận hành hệ thống thông tin được trang bị máy tính và thiết bị phục vụ làm việc trên môi trường số theo quy định.

- Hoàn thành hồ sơ cấp độ an toàn hệ thống thông tin: Hoàn thành việc lập, trình phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ đối với các hệ thống thông tin chưa được phê duyệt; rà soát, cập nhật hồ sơ đối với các hệ thống đã được phê duyệt khi có thay đổi về quy mô hoặc chức năng. Thực hiện đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo

cấp độ sau khi được phê duyệt; tổ chức kiểm thử, đánh giá an toàn thông tin đối với các hệ thống trước khi đưa vào vận hành hoặc mở rộng phạm vi khai thác.

- Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng: 100% hệ thống thông tin của ngành Y tế được triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin theo quy định; thực hiện sao lưu dữ liệu, giám sát, phòng chống mã độc, kiểm soát tài khoản và phân quyền truy cập.

1.2. Thời hạn hoàn thành

- Hoàn thành rà soát hiện trạng hạ tầng, thiết bị công nghệ thông tin: trước ngày 31/8/2026.

- Hoàn thành xây dựng Kế hoạch nâng cấp mạng LAN và bổ sung trang thiết bị theo kế hoạch: trước ngày 30/9/2026.

- Hoàn thành hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin đối với các hệ thống thuộc phạm vi quản lý của ngành: trước ngày 30/11/2026, bảo đảm phù hợp với lộ trình Kế hoạch hành động 100 ngày của UBND tỉnh

2. Dữ liệu số

2.1. Chỉ tiêu thực hiện

a) Triển khai bệnh án điện tử

Tiếp tục duy trì vận hành ổn định hệ thống bệnh án điện tử tại các bệnh viện đã triển khai; bảo đảm dữ liệu được cập nhật đầy đủ, chính xác, liên tục và đúng chuẩn dữ liệu y tế và bảo đảm khả năng chia sẻ, khai thác và sử dụng thống nhất trong toàn ngành.

b) Kết nối, liên thông dữ liệu khám bệnh, chữa bệnh

Hoàn thành kết nối 100% các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh với hệ thống dữ liệu ngành Y tế. Thực hiện kết nối, liên thông dữ liệu với Hệ thống thông tin giám định bảo hiểm y tế, Sổ sức khỏe điện tử và các hệ thống thông tin của Bộ Y tế. Bảo đảm dữ liệu được truyền theo đúng tiêu chuẩn, định dạng và quy định về quản lý, chia sẻ dữ liệu của tỉnh; không phát sinh tình trạng dữ liệu cục bộ, phân tán hoặc trùng lặp. Dữ liệu sau khi kết nối phải đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Sở Y tế, UBND tỉnh và các cơ quan có thẩm quyền.

c) Sổ sức khỏe điện tử

Đẩy nhanh tiến độ tạo lập, cập nhật và chuẩn hóa Sổ sức khỏe điện tử cho người dân theo chỉ tiêu UBND tỉnh giao; bảo đảm dữ liệu được cập nhật thường xuyên từ các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và Trạm Y tế để hình thành Hồ sơ sức khỏe điện tử.

Phối hợp với Công an tỉnh, Bảo hiểm xã hội và các cơ quan liên quan thực hiện chuẩn hóa, đối soát, làm sạch dữ liệu dân cư, dữ liệu bảo hiểm y tế và dữ liệu khám bệnh, chữa bệnh.

d) Làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu chuyên ngành

Tiếp tục cập nhật, chuẩn hóa, đối soát và làm sạch dữ liệu đối với 12 cơ sở dữ liệu chuyên ngành do Bộ Y tế quản lý theo Kế hoạch số 1248/KH-BYT ngày 06/7/2026 của Bộ Y tế ban hành Kế hoạch Triển khai chiến dịch 90 ngày làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa dữ liệu của 12 cơ sở dữ liệu và Kế hoạch số 4532/KH-SYT ngày 11/7/2026 của Sở Y tế gồm:

Cơ sở dữ liệu cơ sở trợ giúp xã hội;
 Cơ sở dữ liệu đối tượng trợ giúp xã hội;
 Cơ sở dữ liệu người khuyết tật;
 Cơ sở dữ liệu người làm công tác xã hội;
 Cơ sở dữ liệu quản lý trẻ em;
 Cơ sở dữ liệu lĩnh vực dự phòng, HIV/AIDS;
 Hệ thống thông tin sức khỏe bà mẹ và trẻ em/sức khỏe sinh sản;
 Cơ sở dữ liệu môi trường cơ sở y tế;
 Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia;
 Cơ sở dữ liệu nhân lực y tế;
 Cơ sở dữ liệu khám bệnh, chữa bệnh;
 Cơ sở dữ liệu an toàn thực phẩm.

Bảo đảm dữ liệu đáp ứng nguyên tắc "**đúng, đủ, sạch, sống**", sẵn sàng chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, các cơ sở dữ liệu quốc gia khác và các hệ thống thông tin của Bộ Y tế.

2.2. Thời hạn hoàn thành

Tiếp tục tạo lập 100% bệnh án điện tử mới, kết nối toàn bộ dữ liệu khám bệnh, chữa bệnh với Kho dữ liệu ngành trước ngày 31/10/2026, theo chỉ tiêu UBND tỉnh giao cho Sở Y tế.

Hoàn thành các chỉ tiêu về Sổ sức khỏe điện tử và chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu chuyên ngành trước ngày 30/11/2026, bảo đảm đồng bộ với tiến độ thực hiện Kế hoạch hành động 100 ngày của UBND tỉnh.

3. Nền tảng số

3.1. Chỉ tiêu thực hiện

a) Triển khai Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên VNeID

100% cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập và ngoài công lập trên địa bàn tỉnh triển khai sử dụng Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID theo hướng dẫn của Bộ Y tế và Bộ Công an.

b) Khai thác hiệu quả các nền tảng số của ngành

100% đơn vị trực thuộc sử dụng hiệu quả các nền tảng số dùng chung của ngành Y tế và của tỉnh trong quản lý, điều hành và thực hiện chuyên môn.

Tăng cường sử dụng dữ liệu thời gian thực phục vụ chỉ đạo, điều hành; từng bước hình thành hệ thống báo cáo, giám sát và phân tích dữ liệu y tế tập trung, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của ngành.

3.2. Thời hạn hoàn thành

Hoàn thành triển khai Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên VNeID tại 100% cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; chuẩn hóa dữ liệu bảo hiểm y tế; hoàn thành kết nối, liên thông dữ liệu khám bệnh, chữa bệnh với các hệ thống của Bộ Y tế, Bảo hiểm xã hội và Kho dữ liệu ngành của tỉnh **trước ngày 30/11/2026** theo chỉ tiêu UBND tỉnh giao cho Sở Y tế.

4. Giải ngân

Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân các nhiệm vụ chuyển đổi số đã được cấp có thẩm quyền giao, bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí, khắc phục tình trạng chậm triển khai, chậm giải ngân; ưu tiên bố trí nguồn lực cho các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số của ngành Y tế, góp phần hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch hành động 100 ngày và nâng cao hiệu quả đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực y tế.

Thời hạn thực hiện

Đẩy nhanh tiến độ giải ngân theo quy định các hạng mục nếu được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong thời gian tới.

Tiếp tục triển khai hoàn thiện các thủ tục phân bổ và sử dụng kinh phí theo Đề án chuyển đổi số đối với Trạm Y tế xã, phường; phấn đấu hoàn thành các nội dung được giao trước ngày 31/12/2026 theo kế hoạch của UBND tỉnh.

(Chi tiết tại các Phụ lục gửi kèm)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng Sở

Là đầu mối giúp Giám đốc Sở theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch tại các phòng thuộc Sở, đơn vị sự nghiệp trực thuộc và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh. Theo dõi việc thực hiện chế độ báo cáo, kịp thời nhắc nhở các đơn vị chậm tiến độ; tổng hợp khó khăn, vướng mắc và tham mưu Giám đốc Sở chỉ đạo tháo gỡ.

2. Phòng Kế hoạch - Tài chính

Chủ trì tham mưu bố trí, cân đối và sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số của ngành; hướng dẫn các đơn vị xây dựng dự toán, quản lý và thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

Chủ trì triển khai các thủ tục đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ công nghệ thông tin đối với các dự án, nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế.

Theo dõi tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án, nhiệm vụ chuyển đổi số; định kỳ rà soát, đánh giá tỷ lệ giải ngân, kịp thời tham mưu điều chỉnh để bảo đảm hoàn thành kế hoạch.

Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan trong việc bố trí nguồn lực, triển khai các chương trình, dự án chuyển đổi số của ngành Y tế.

3. Phòng Nghiệp vụ Y

Chủ trì tham mưu, hướng dẫn và kiểm tra việc triển khai Bệnh án điện tử tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của Bộ Y tế.

Theo dõi việc triển khai Sổ sức khỏe điện tử; hướng dẫn các đơn vị chuẩn hóa dữ liệu, cập nhật thông tin sức khỏe người dân và kết nối với các hệ thống thông tin của Bộ Y tế.

Theo dõi, đánh giá chất lượng dữ liệu khám bệnh, chữa bệnh; hướng dẫn khắc phục các lỗi dữ liệu, bảo đảm dữ liệu được cập nhật đầy đủ, chính xác và kịp thời.

4. Phòng Quản lý hành nghề Y, Dược

Hướng dẫn các cơ sở hành nghề y, được thực hiện chuẩn hóa dữ liệu, liên thông dữ liệu khám bệnh, chữa bệnh, kê đơn thuốc điện tử và các dữ liệu chuyên ngành theo quy định của Bộ Y tế.

Phối hợp với Phòng Nghiệp vụ Y và các đơn vị liên quan kiểm tra việc thực hiện các quy định về chuyển đổi số tại các cơ sở hành nghề y, được ngoài công lập.

5. Các phòng thuộc Sở và đơn vị trực thuộc được giao quản lý dữ liệu

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các phòng thuộc Sở, đơn vị trực thuộc và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chịu trách nhiệm tổ chức triển khai đầy đủ các nhiệm vụ của Kế hoạch; xây dựng kế hoạch chi tiết của đơn vị, phân công cụ thể đến từng bộ phận, cá nhân phụ trách và tổ chức thực hiện bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng.

Đối với các phòng, đơn vị được giao chủ trì quản lý các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, có trách nhiệm:

- Tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành, cập nhật, chuẩn hóa và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu thuộc lĩnh vực phụ trách.
- Thực hiện rà soát, làm sạch dữ liệu theo nguyên tắc "đúng, đủ, sạch, sống"; bảo đảm dữ liệu được cập nhật thường xuyên, chính xác, đầy đủ và kịp thời.
- Bảo đảm dữ liệu tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, cấu trúc dữ liệu của Bộ Y tế và quy định của tỉnh về kết nối, chia sẻ dữ liệu.
- Chủ động phối hợp với các phòng, đơn vị liên quan trong việc kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu ngành Y tế, Kho dữ liệu của tỉnh, các cơ sở dữ liệu quốc gia và các hệ thống thông tin của Bộ Y tế.
- Chịu trách nhiệm về chất lượng, tính đầy đủ, tính chính xác, tính hợp pháp và tính cập nhật của dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch hành động 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số ngành Y tế tỉnh Hưng Yên. Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị báo cáo, đề xuất về Sở Y tế (qua Văn phòng) để xem xét, quyết định./

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- UBND xã, phường;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng thuộc Sở;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Các đơn vị y tế trên địa bàn tỉnh;
- Lưu: VT, VP.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Xuân Hùng

Phụ lục 1:

DANH MỤC NHIỆM VỤ TẬP TRUNG TRIỂN KHAI TRONG 100 NGÀY

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-SYT, ngày /782026 của của Sở Y tế)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn	NV theo KH 05-KH/BCĐTW
I HẠ TẦNG SỐ						
1	Rà soát, thống kê nhu cầu đầu tư, mua sắm, nâng cấp trang thiết bị đầu cuối, máy tính, phần mềm... ưu tiên phục vụ giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp, gửi Sở KH&CN	Các đơn vị trực thuộc	Phòng KHTC	Báo cáo nhu cầu của từng cơ quan	25/7/2026	NV 11
2	Rà soát, phê duyệt cấp độ an toàn 100% hệ thống thông tin	Các đơn vị trực thuộc	Văn phòng	100% hệ thống có hồ sơ cấp độ được phê duyệt, cập nhật lên bảng điều hành	30/9/2026	NV 13
3	Hoàn thiện nâng cấp mạng nội bộ (LAN) đạt tiêu chuẩn ATTT cấp độ 2; rà soát, mua sắm bổ sung máy tính đảm bảo hoạt động của cán bộ công chức trên môi trường mạng	Các đơn vị trực thuộc	Văn phòng; KHTC	Hạ tầng mạng nội bộ (LAN) đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ 2; cán bộ công chức, viên chức có đủ máy tính để làm việc	30/9/2026	
II. DỮ LIỆU SỐ						
1	Cơ sở dữ liệu về khám chữa bệnh (bệnh án điện tử)	Các cơ sở KBCB	Văn phòng; Phòng Nghiệp vụ Y	- Tổng số bệnh viện 54. - Đã có 54 thực hiện tạo lập bệnh án điện tử và kết nối CSDL;	31/10/2026	

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn	NV theo KH 05-KH/BCĐTW
				- Yêu cầu: + Tiếp tục tạo lập 100% bệnh án điện tử mới. + Kết nối 100% các phòng khám với cơ sở chữa bệnh; + Kết nối vào Kho dữ liệu tỉnh.		
2	CSDL nền tảng số sức khỏe điện tử	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Các cơ sở khám chữa bệnh	- Tổng dân số 3.567.900 người. - Đã tạo lập 862.147 người. - Yêu cầu: + Tạo lập thêm 2.175.960 người.	30/11/2026	
				+ Tạo lập thêm 529.793.	31/12/2026	
3	Hệ thống thông tin sức khỏe bà mẹ và trẻ em/sức khỏe sinh sản	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Các cơ sở y tế	- Tổng số 264 cơ sở. - Đã làm sạch 219 cơ sở - Yêu cầu: làm sạch tiếp 45 cơ sở	31/10/2026	
4	Chuẩn hóa, đối soát, làm sạch dữ liệu thuộc phạm vi tỉnh phục vụ hoàn thiện 104 CSDL (Nghị quyết số 11/NQ-CP) theo yêu cầu của bộ, cơ quan chủ quản	Các phòng, đơn vị		Các đơn vị căn cứ nhiệm vụ được giao tại Phụ lục 2 thực hiện theo yêu cầu của các bộ, ngành và đảm bảo đạt tối thiểu 80% dữ liệu đủ điều kiện được làm sạch, đồng bộ	Theo yêu cầu của các bộ, ngành đối với từng CSDL	NV 20, 21

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn	NV theo KH 05-KH/BCĐTW
III. DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN						
1	Triển khai Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên VNeID tại 100% cơ sở khám, chữa bệnh; chuẩn hóa, liên thông dữ liệu khám chữa bệnh, bảo hiểm	Các cơ sở KBCB	Bảo hiểm xã hội tỉnh; Công an tỉnh; các cơ sở y tế	100% cơ sở khám, chữa bệnh sử dụng Sổ sức khỏe điện tử ổn định	30/11/2026	NV 44
IV. NGUỒN NHÂN LỰC						
1	Tổ chức cho cán bộ tham mưu, chuyên trách, vận hành hệ thống, giải quyết TTHC tham gia đào tạo về dữ liệu, an ninh mạng, trí tuệ nhân tạo trên Nền tảng Bình dân học vụ số; có kiểm tra kết quả đầu ra	Các đơn vị trực thuộc	Văn phòng; Phòng TCCB	Tối thiểu 95% đối tượng hoàn thành, đạt yêu cầu; thống kê theo cơ quan, vị trí việc làm	31/10/2026	NV 46
2	Triển khai đầy đủ, kịp thời chính sách hỗ trợ đối với người làm công tác chuyên trách chuyển đổi số, an ninh mạng theo Nghị định số 179/2025/NĐ-CP	Các đơn vị trực thuộc	Phòng KHTC	100% người đủ điều kiện được rà soát, lập danh sách, phê duyệt và thực hiện chế độ hỗ trợ theo quy định; các vướng mắc về hướng dẫn, thủ tục được xử lý	15/8/2026	NV 47
V. TÀI CHÍNH, GIẢI NGÂN						
1	Giải ngân vốn đã bố trí từ đầu năm 2026 (đã giao: Chi thường xuyên 897.010 triệu đồng; Chi đầu tư 159.128 triệu đồng).	Các đơn vị trực thuộc	Phòng KHTC	(1) Giải ngân kinh phí cho các nhiệm vụ về mua sắm trang thiết bị đầu cuối, nâng cấp hạ tầng số và đào tạo, tập huấn tuyên truyền phục	30/9/2025	NV 48 <i>(Chi tiết các nhiệm vụ trọng tâm)</i>

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn	NV theo KH 05-KH/BCĐTW
				vụ chuyển đổi số đối với kinh phí đã bố trí từ đầu năm 2026.		<i>về giải ngân theo Phụ lục 3)</i>
				(2) Giải ngân tối thiểu 85% kinh phí chi thường và 90% vốn đầu tư công đã giao.	30/11/2026	
				(3) Giải ngân 100% kinh phí đã giao.	31/12/2026	
2	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện lập dự toán các nhiệm vụ đã giao năm 2026 nhưng chưa đủ điều kiện phân bổ kinh phí để triển khai thực hiện	Các đơn vị trực thuộc	Phòng KHTC	Hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh phân bổ kinh phí	15/8/2026	

Phụ lục 2:
DANH MỤC 12 CƠ SỞ DỮ LIỆU BỘ, NGÀNH Y TẾ TRIỂN KHAI
CẦN PHỐI HỢP THỰC HIỆN
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-SYT ngày /8/2026 của Sở Y tế)

TT	Cơ sở dữ liệu	Bộ ngành triển khai	Sở, ban, ngành tỉnh thực hiện Chuẩn hóa, đối soát, làm sạch dữ liệu thuộc phạm vi tỉnh cập nhật theo chỉ đạo bộ, ngành	Kết quả đạt được
1	Cơ sở dữ liệu cơ sở trợ giúp xã hội	Bộ Y tế	Sở Y tế	Cập nhật theo tiến độ Bộ Y tế
2	Cơ sở dữ liệu đối tượng trợ giúp xã hội	Bộ Y tế	Sở Y tế	Cập nhật theo tiến độ Bộ Y tế
3	Cơ sở dữ liệu người khuyết tật	Bộ Y tế	Sở Y tế	Cập nhật theo tiến độ Bộ Y tế
4	Cơ sở dữ liệu người làm công tác xã hội	Bộ Y tế	Sở Y tế	Cập nhật theo tiến độ Bộ Y tế
5	Cơ sở dữ liệu quản lý trẻ em	Bộ Y tế	Sở Y tế	Cập nhật theo tiến độ Bộ Y tế
6	Cơ sở dữ liệu lĩnh vực dự phòng, HIV, AIDS	Bộ Y tế	Sở Y tế	Cập nhật theo tiến độ Bộ Y tế
7	Hệ thống thông tin lĩnh vực sức khỏe bà mẹ trẻ em/sức khỏe sinh sản	Bộ Y tế	Sở Y tế	Cập nhật theo tiến độ Bộ Y tế
8	Cơ sở dữ liệu môi trường cơ sở y tế	Bộ Y tế	Sở Y tế	Cập nhật theo tiến độ Bộ Y tế
9	Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia	Bộ Y tế	Sở Y tế	Cập nhật theo tiến độ Bộ Y tế
10	Cơ sở dữ liệu về nhân lực y tế	Bộ Y tế	Sở Y tế	Cập nhật theo tiến độ Bộ Y tế
11	Cơ sở dữ liệu về khám, chữa bệnh	Bộ Y tế	Sở Y tế	Cập nhật theo tiến độ Bộ Y tế
12	Cơ sở dữ liệu về an toàn thực phẩm	Bộ Y tế	Sở Y tế	Cập nhật theo tiến độ Bộ Y tế

Phụ lục 3:
DANH MỤC NHIỆM VỤ GIẢI NGÂN TẬP TRUNG TRIỂN KHAI TRONG 100 NGÀY
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-SYT, ngày /8/2026 của của Sở Y tế)

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Kinh phí (triệu đồng)	Tiến độ giải ngân đến ngày 30/6/2026	Thời hạn hoàn thành	Mô tả/Ghi chú
1	Tiếp tục triển khai Bệnh án điện tử tại các cơ sở KBCB công lập	Sở Y tế tỉnh Hưng Yên			thường xuyên	Sở Y tế đã báo cáo số 157/BC-SYT gửi UBND tỉnh, Sở Tài Chính; Sở KHCN đề xuất chủ trương đầu tư
2	Tiếp tục triển khai hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử trên địa bàn toàn tỉnh	Sở Y tế tỉnh Hưng Yên			31/12/2026	Nhiệm vụ này đã trình thực hiện trong Đề án chuyển đổi số cho 104 trạm Y tế cấp xã; Đang tổng hợp nhu cầu phân bổ kinh phí
Tổng						